

Bản án số: 146/2024/HS-PT
Ngày 25-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Thẩm phán: Ông Bùi Duy Thạch

Ông Đặng Minh Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trương Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 98/2024/TLPT-HS ngày 12 tháng 07 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2024/QĐXXPT-HS ngày 13 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2024/HSPT-QĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Văn T cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 90/2024/HS-ST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1985, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Đỗ Thị H1 và có 04 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 38 ngày 03/6/2021 Tòa án nhân dân huyện An Dương xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, thời gian thử thách 60 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách của bản án trên); tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 253 ngày 26/9/2002 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử

phạt 03 năm tù về tội Cướp tài sản (đã được xóa án tích); tại Bản án hình sự phúc thẩm số 57 ngày 28/01/2016 Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội Gây rối trật tự công cộng (đều đã được xóa án tích); bị bắt tạm giam từ ngày 28/10/2023; có mặt.

2. Nguyễn Văn D, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1998, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ, con; tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08 ngày 31/01/2018 Tòa án nhân dân huyện An Dương xử phạt Nguyễn Văn D 05 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/01/2022; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 28/10/2023; có mặt.

3. Trần Văn H2, sinh ngày 29 tháng 3 năm 1989, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn X, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Phó giám đốc công ty TNHH T5; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị P; có vợ là Nguyễn Thị H3 và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018; nhân thân, tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/01/2024; có mặt.

4. Phạm Văn Q, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1988, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Giám đốc công ty TNHH V; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Phạm Thế C (đã chết) và bà Phạm Thị G; có vợ là Nguyễn Thị N và 03 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2021; nhân thân, tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/01/2024; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Q: Bà Nguyễn Thị Thanh H4 và bà Nguyễn Thị Tố H5, Luật sư Công ty L1 - Đoàn Luật sư thành phố H; đều có mặt.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1998, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng (đồng thời là bị cáo); có mặt

- *Người làm chứng:*

+ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991; có mặt.

+ Anh Lương Văn B, sinh năm 1995 và anh Hà Văn H6, sinh năm 1994; vắng mặt.

+ Anh Đinh Tuấn M, sinh năm 2003; vắng mặt.

+ Anh Dương Đức A, sinh năm 2003; vắng mặt.

+ Anh Lê Văn S, sinh năm 1993; vắng mặt.

- *Người giám định*: Ông Đoàn Văn K, Giám định viên - Trung tâm giám định Pháp y thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/11/2022 Công ty Trách nhiệm hữu hạn C3 (sau đây gọi tắt là Công ty C3), địa chỉ trụ sở: Khu Công nghiệp A, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng ký Hợp đồng dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa có giá trị đến ngày 31/12/2023 với Công ty TNHH T5 (sau đây gọi tắt là Công ty T5), đại diện bởi bà Nguyễn Thị H3, chức vụ: Giám đốc. Ngày 01/06/2023 Công ty C3 tiếp tục ký Hợp đồng dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa có giá trị đến ngày 31/12/2024 với Công ty TNHH V (sau đây gọi tắt là Công ty V), đại diện bởi Phạm Văn Q, chức vụ: Giám đốc. Theo nội dung 02 hợp đồng này thì Công ty T5 và Công ty V được nhận vận chuyển hàng hóa cho Công ty C3 và được trả phí vận chuyển đối với từng lô hàng cụ thể. Trong quá trình thực hiện hợp đồng với Công ty C3 thì phát sinh tranh chấp về quyền được vận chuyển hàng hóa giữa Công ty T5 và Công ty V.

Để giải quyết tranh chấp, sáng ngày 12/07/2023, Trần Văn H2, chức vụ Phó giám đốc công ty T5 gọi điện nhờ Nguyễn Văn T đi cùng đến gặp Phạm Văn Q để giải quyết tranh chấp về việc vận chuyển hàng hóa cho Công ty C3. Sau đó Nguyễn Văn T rủ 04 đối tượng nam (hiện chưa xác định được lai lịch) đi cùng Trần Văn H2 (H2 không biết những đối tượng này), đến bãi xe của công ty V, địa chỉ tại thôn L, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng gặp Phạm Văn Q nói chuyện. T và H2 nói chuyện đề nghị Q không được tiếp tục cho xe vào vận chuyển hàng hóa tại Công ty C3 vì hai bên đang tranh chấp. Phạm Văn Q không đồng ý và vẫn tiếp tục việc cho phương tiện vào công ty C3 làm việc bình thường theo hợp đồng.

Sáng ngày 15/7/2023, theo điều động của Công ty V, anh Lương Văn B, sinh năm 1995, trú tại: Thôn V, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 15H-031.30 và anh Hà Văn H6, sinh năm 1994, trú tại: Thôn V, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 15H-022.75 đến Công ty C3, lùi đỗ xe tại khu vực giao nhận hàng để bốc xếp hàng hóa vận chuyển đi.

Trần Văn H2 thấy công ty V không thực hiện theo yêu cầu của mình, vẫn cho xe chở hàng nên khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, H2 tiếp tục gọi điện nhờ Nguyễn Văn T đến công ty C3 để nói chuyện giải quyết tranh chấp. T đồng ý sau đó gọi điện

thoại cho Nguyễn Văn D (em trai T) cùng đi. Khi được T rủ đi, Nguyễn Văn D rủ thêm Đinh Tuấn M, sinh năm 2003, Dương Đức A, sinh năm 2003, cùng trú tại thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi gọi điện cho T xong, Trần Văn H2 gọi điện điều động Lê Văn S, sinh năm 1993, trú tại thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng (lái xe công ty T5) điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 15H-00525 đến Khu Công nghiệp A đợi để đón T vào công ty C3.

Khoảng 07 giờ 45 phút ngày 15/7/2023, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D, Đinh Tuấn M, Dương Đức A, Vũ Văn Q1, sinh năm 2001, Đỗ Văn T2, sinh năm 1988, Vũ Văn M1, sinh năm 1987, Ngô Đức M2, sinh năm 1992, Phạm Quang H7, sinh năm 1989, cùng trú tại: thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; Phạm Văn D1, sinh năm 1992, trú tại thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng cùng một số đối tượng khác chưa rõ lai lịch (tổng số khoảng hơn 10 người) tập trung tại quán C4, địa chỉ: tổ dân phố C, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng để cùng đi đến Khu Công nghiệp A. Khoảng 08 giờ cùng ngày Lê Văn S điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 15H-00525 đến Khu Công nghiệp A rồi đỗ xe ở đường gần quán nước trong Khu Công nghiệp đợi. Khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày Trần Văn H2 đến gặp Nguyễn Văn T cùng một số đối tượng khác đến quán nước trong Khu Công nghiệp A gần cổng Công ty C3. Trần Văn H2 trao đổi với Nguyễn Văn T về việc tiếp tục vào gặp lái xe công ty V yêu cầu không được chở hàng. T bảo D, D1 đi cùng Lê Văn S bằng xe ô tô biển kiểm soát 15H-005.25 vào công ty C3. Phạm Văn D1 là người điều khiển xe ô tô chở Nguyễn Văn D, Lê Văn S ngồi ghế phụ đến cổng công ty C3. Sau đó Lê Văn S xuống xe còn Phạm Văn D1 điều khiển xe ô tô chở Nguyễn Văn D lùi vào khu vực giao nhận hàng của Công ty C3 mà không đăng ký qua bảo vệ. Ông Nguyễn Tiến T3, sinh năm 1959, trú tại thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương (bảo vệ công ty C3) đã yêu cầu xe ô tô biển số 15H-005.25 ra ngoài nhưng Phạm Văn D1 và Nguyễn Văn D không chấp hành, vẫn tiếp tục lùi xe ô tô tải biển kiểm soát 15H-005.25 vào khu vực giao nhận hàng của Công ty C3. Vì vậy ô tô tải biển kiểm soát 15H-005.25 va chạm vào xe ô tô tải biển số 15H-022.75 của công ty V đang bốc hàng.

D1 và D xuống xe, gọi anh B, anh H6 - lái xe của công ty V ra khu vực cổng công ty để nói chuyện. Tại đây Nguyễn Văn D và Phạm Văn D1 đe dọa anh B, anh H6 nếu tiếp tục vận chuyển hàng cho Công ty C3 sẽ bị đánh. Anh Hà Văn H6 và Lương Văn B hoảng sợ đã gọi điện thông báo sự việc cho Phạm Văn Q - Giám đốc công ty V. Ngay lúc này nhóm của Trần Văn H2, Nguyễn Văn T, Phạm Quang H7, Vũ Văn M1, Đỗ Văn T2, Đinh Tuấn M, Dương Đức A cùng một số đối tượng khác đi 03 xe mô tô gồm: Xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu đen biển kiểm soát 15B4-288.18; 02 xe mô tô (hiện chưa rõ biển số) và xe ô tô biển kiểm soát 15A-

51555; 01 xe ô tô (hiện chưa rõ biển số) đến cổng Công ty C3. Cả nhóm xuống xe đứng tập trung tại cổng Công ty C3, vây xung quanh anh H6 và anh B. Nguyễn Văn T tiếp tục có lời nói đe dọa anh H6 và B về bảo Q không được đến cho xe đến Công ty C3 vận chuyển hàng, nếu còn tiếp tục sẽ đánh gãy chân.

Trong lúc Nguyễn Văn T chửi bới đe dọa thì Phạm Quang H7 dùng tay đánh vào vùng cổ, vùng đầu anh Lương Văn B. Nhóm của Trần Văn H2, Vũ Văn M1, Đỗ Văn T2, Đinh Tuấn M, Dương Đức A, Nguyễn Văn D, Phạm Văn D1 cùng một số đối tượng tập trung đứng xung quanh, gây áp lực, sức ép cho anh H6 và anh B không điều khiển xe ô tô vận chuyển hàng ra. Anh Hà Văn H6 và Lương Văn B bị đe dọa nên hoảng sợ đi vào trong công ty C3. Nhóm Nguyễn Văn T đứng tập trung tại cổng công ty khoảng 5 phút rồi đi ra quán nước gần cổng Công ty C3. Sau đó, Trần Văn H2 gọi điện cho anh Lê Văn S bảo đi vào Công ty C3 điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 15H-005.25 ra ngoài.

Khoảng 08 giờ 50 phút cùng ngày, sau khi nhận được điện thoại của anh B và anh H6 về việc bị nhóm của Nguyễn Văn T đe dọa, không cho chở hàng; Phạm Văn Q bảo vợ là Nguyễn Thị N gọi điện trình báo đồn Công an Khu Công nghiệp T6. Q điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 15A-935.38 chở N đến Công ty C3 để giải quyết mâu thuẫn. Khoảng 09 giờ 40 phút cùng ngày, khi Phạm Văn Q điều khiển xe ô tô đi trên đường nội bộ Khu Công nghiệp A thì gặp xe mô tô biển kiểm soát 15B4-288.18 do Dương Đức A điều khiển chở Nguyễn Văn D và Đinh Tuấn M. Chị Nguyễn Thị N sử dụng điện thoại ghi hình. Quan sát thấy N sử dụng điện thoại ghi hình thì Dương Đức A điều khiển xe mô tô vượt lên lạng lách, đánh võng trước đầu xe ô tô do Q điều khiển; Q phải điều khiển xe ô tô chậm lại với tốc độ khoảng 24m/h, Nguyễn Văn D dùng tay vỗ vào đầu xe yêu cầu dừng xe. Thấy vậy, chị Nguyễn Thị N và Phạm Văn Q bức tức, chửi bới. Khi xe ô tô của Dương Đức A đi trước đầu xe ô tô của Q, Q đã điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 15A-935.38 đâm vào đuôi xe mô tô biển kiểm soát 15B4-288.18 làm xe mô tô đổ, Dương Đức A, Nguyễn Văn D và Đinh Tuấn M ngã ra đường, D bị thương tích xây sát nhẹ ở khuỷu tay, đầu gối. Khoảng 2-3 phút sau, lực lượng HP22 Công an huyện A, đồn Công an Khu Công nghiệp Trảng Duệ đến hiện trường thì chị Nguyễn Thị N, Phạm Văn Q xuống xe và xảy ra cãi vã, chửi bới, xô xát với nhóm của D nhưng không có ai bị thương tích. Lực lượng HP22 Công an huyện A, Đồn Công an Khu Công nghiệp T đã yêu cầu những người có liên quan về trụ sở làm việc.

Cơ quan điều tra tiến hành xác định hiện trường thu giữ 01 USB chứa dữ liệu camera tại Khu Công nghiệp A, bãi xe của công ty V, công ty TNHH C3.

Tại Kết luận giám định số 68 ngày 19/01/2024 của Trung tâm Pháp y thành phố H kết luận đối với thương tích của Nguyễn Văn D như sau: Tỷ lệ phần trăm tổn

thương cơ thể do sẹo vết xây xước vùng da khuỷu tay phải gây nên là 01%; Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do vết xây xước da vùng gối phải để lại vết biến đổi da gây nên là 0,5%; Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do vết xây xước da vùng cánh chậu phải để lại vết biến đổi da gây nên là 0,5%. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn D tại thời điểm giám định là 02%. Các thương tích trên có đặc điểm do tác động tương hỗ trực tiếp với vật tày gây nên.

Ngày 20/01/2024 Nguyễn Văn D có đơn yêu cầu khởi tố hình sự đối với Phạm Văn Q.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích đối với Đinh Tuấn M, Dương Đức A nhưng M, Đức A từ chối giám định vì chỉ bị xây xước nhẹ.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D, Trần Văn H2 khai nhận hành vi H2 nhờ T gặp Q - giám đốc Công ty V để nói chuyện về việc vận chuyển hàng cho Công ty C3. T đã tự ý rủ em trai là D và các đối tượng tập trung tại cổng Công ty C3 vào ngày 15/7/2023 đe dọa 02 lái xe của Công ty V không được vận chuyển hàng hóa cho Công ty C3. Phạm Văn Q có hành vi điều khiển xe ô tô đâm vào đuôi xe mô tô khiến D bị thương tích như nội dung trên.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn D yêu cầu bị cáo Phạm Văn Q bồi thường số tiền 15.000.000 đồng chi phí điều trị thương tích. Bị cáo Phạm Văn Q đồng ý mức bồi thường. Tại giai đoạn sơ thẩm, bị cáo đã nộp số tiền 10.000.000 đồng tại Cơ quan thi hành án dân sự để đảm bảo cho khoản bồi thường dân sự. Tại phiên tòa, bị cáo D không yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường thêm, đồng ý mức bồi thường 10.000.000 đồng bị cáo Q đã nộp tại cơ quan thi hành án.

Tại Bản án sơ thẩm số 90/2024/HS-ST ngày 06/6/2024 Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm điểm i khoản 1 đối với bị cáo H2); điểm h khoản 1 Điều 52 (đối với bị cáo T, D); Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 56 (đối với bị cáo T) Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H2, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng"; tổng hợp với hình phạt 30 tháng tù về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" của Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2021/HS-ST ngày 03/6/2021 Tòa án nhân dân huyện An Dương (do bị cáo phạm tội trong thời gian thử

thách của án treo), buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt tù của hai bản án là 45 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2023.

Xử phạt bị cáo: Bị cáo Nguyễn Văn D 15 (Mười lăm) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2023.

Xử phạt bị cáo: Trần Văn H2 12 (Mười hai) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo: Phạm Văn Q 09 (C1) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội; bị cáo Trần Văn H2, Phạm Văn Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo ngoài xã hội.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới là đơn trình bày của gia đình thể hiện các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ già yếu, gia đình đông con; các bị cáo đều là lao động chính. Bị cáo Trần Văn H2 cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện bị cáo có ông ngoại là ông Nguyễn Văn C2 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba, ông nội bị cáo là ông Trần Văn T4 được tặng thưởng Huân chương vì sự nghiệp giáo dục có xác nhận của địa phương. Ngoài ra, bị cáo H2 còn có đơn trình bày có xác nhận của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là UBND xã Đ về việc bị cáo có đóng góp 50.000.000 đồng làm từ thiện và 70.000.000 đồng để làm tuyến đường liên thôn của xã. Bị cáo Phạm Văn Q được bị hại Nguyễn Văn D xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Q cũng trình bày mâu thuẫn giữa các bị cáo xuất phát từ việc tranh chấp vận chuyển hàng cho Công ty C3, do các bị cáo nóng giận, không kiềm chế được nên đã làm ảnh hưởng trật tự công cộng. Bị cáo H2 trình bày mục đích nhờ bị cáo T đến nói chuyện với bị cáo Q nhưng T lại rủ D và nhiều đối tượng đến để nói chuyện dẫn đến hiểu nhầm giữa hai bên. Các bị cáo Q, H2 có xác nhận của chính quyền địa phương về việc có nơi cư trú rõ ràng; trừ lần vi phạm này thì các bị cáo H2, Q chưa vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi đã thực hiện như trong nội dung của bản án sơ thẩm. Bị cáo H2 trình bày mục đích nhờ bị cáo T đến nói chuyện với bị cáo Q nhưng T lại rủ D và nhiều đối tượng đến để nói chuyện dẫn đến hiểu nhầm giữa hai bên. Các bị cáo T, D, H2 trình bày mục đích của các bị cáo đến gặp bị cáo Q chỉ để nói chuyện về việc vận chuyển hàng cho công ty C3 nhưng

vì thiếu hiểu biết pháp luật nên các bị cáo đã nóng giận, không kiềm chế được bản thân và cư xử với nhau chưa đúng mực, tập trung đông người, gây ra tình trạng mất trật tự công cộng tại khu công nghiệp A. Bị cáo Q cũng thừa nhận hành điều khiển ô tô va chạm với xe mô tô do Đức A điều khiển chở D và M làm D bị thương tích tổn hại 2% sức lao động là hành vi vi phạm pháp luật như nhận định của bản án sơ thẩm là đúng. Tại phiên tòa, các bị cáo đã hòa giải, xin lỗi nhau và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo còn lại vì các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và ăn năn hối cải do hành vi mình đã thực hiện.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Q tại phiên tòa đồng ý với tội danh và điều luật áp dụng mà bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo Q gây thương tích cho bị hại Nguyễn Văn D do Dương Đức A điều khiển xe mô tô chở D và M vượt lên lạng lách, đánh võng trước đầu xe ô tô do Q điều khiển làm cho Q bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, hậu quả của hành vi gây tổn hại chỉ 2% sức khỏe của bị hại; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, e, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm mức hình phạt cho bị cáo Q, xử bị cáo mức khởi điểm của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

Kiểm sát viên trình bày ý kiến về việc giải quyết kháng cáo: Quá trình diễn biến tại phiên tòa và các tài liệu các bị cáo cung cấp tại giai đoạn xét xử phúc thẩm: Bị cáo Trần Văn H2 cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện bị cáo có ông ngoại là ông Nguyễn Văn C2 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba, ông nội bị cáo là ông Trần Văn T4 được tặng thưởng Huân chương vì sự nghiệp giáo dục có xác nhận của địa phương. Ngoài ra, bị cáo H2 còn cung cấp được xác nhận của UBND xã Đ - nơi bị cáo cư trú về việc bị cáo có đóng góp 50.000.000 đồng làm từ thiện và 70.000.000 đồng để làm tuyến đường liên thôn ... Bị cáo Phạm Văn Q được bị hại Nguyễn Văn D xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Q cũng trình bày mâu thuẫn giữa các bị cáo xuất phát từ việc tranh chấp vận chuyển hàng cho Công ty C3, do các bị cáo nóng giận, không kiềm chế được nên đã làm ảnh hưởng trật tự công cộng. Bị cáo H2 trình bày mục đích nhờ bị cáo T đến nói chuyện với bị cáo Q nhưng T lại rủ D và nhiều đối tượng đến để nói chuyện dẫn đến hiểu nhầm giữa hai bên. Các bị cáo Q, H2 có xác nhận của chính quyền địa phương về việc có nơi cư trú rõ ràng; các bị cáo T, D có đơn trình bày của gia đình thể hiện các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ già yếu, gia đình đông con; bị cáo đều là lao

động chính. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy các bị cáo H2, Q đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; có nhiều tình tiết giảm nhẹ, là lao động chính trong gia đình; vai trò của các bị cáo trong vụ án là thứ yếu. Việc cho các bị cáo H2 và Q được cải tạo ngoài xã hội cũng không gây nguy hiểm đến an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 65 Bộ luật Hình sự, sửa Bản án sơ thẩm số 90/2024/HS-ST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, giữ nguyên hình phạt và cho các bị cáo H2, Q được hưởng án treo. Đối với các bị cáo T, D tại phiên tòa có thêm tình tiết giảm nhẹ, thành khẩn khai báo nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm nhẹ cho bị cáo T, D một phần hình phạt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự

Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo đã đúng thủ tục, trong thời hạn luật định, đúng với quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đơn kháng cáo của bị cáo là hợp pháp, được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Giám định viên và những người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và đã được triệu tập đến phiên tòa sơ thẩm nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt giám định viên và những người làm chứng là đúng theo quy định tại các điều 293; 294 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về tội danh và điều luật áp dụng:

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi đã thực hiện đúng như lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung của bản án sơ thẩm. Xuất phát từ việc tranh chấp giữa Công ty T5 và Công ty V trong việc tranh giành hợp đồng độc quyền được vận chuyển hàng hóa cho Công ty C3. Để giành được hợp đồng vận chuyển hàng hóa độc quyền cho Công ty C3, ngày 15/7/2023 Trần Văn H2 nhờ Nguyễn Văn

T đến công ty C3 để giải quyết tranh chấp giữa hai công ty. T đã tự rủ em trai là Nguyễn Văn D, D rủ thêm Đinh Tuấn M và Dương Đức A, Vũ Văn Q1, Đỗ Văn T2, Vũ Văn M1, Ngô Đức M2, Phạm Quang H7, Phạm Văn D1 cùng một số đối tượng khác chưa rõ lai lịch (tổng số khoảng hơn 10 người), tập trung tại cổng Công ty C3, điều khiển xe ô tô tải của Công ty T5 va chạm vào xe ô tô tải của Công ty V, đánh, đe dọa 02 lái xe của công ty V không được đến vận chuyển hàng hóa cho Công ty C3. Mặc dù Trần Văn H2 chỉ nhờ T đến nói chuyện với Q1 về việc vận chuyển hàng hóa, không nhờ T gọi các bị cáo và các đối tượng khác đi cùng; H2 có mặt tại nơi xảy ra sự việc nhưng không trực tiếp có lời lẽ đe dọa đối với phía Công ty V. Các đối tượng tập tung đông người gây sức ép, T phân công D1 và D vào công ty C3 ép 2 lái xe của công ty V ra cổng để cả nhóm đe dọa, điều lái xe tải lùi xe va chạm với xe của Công ty V. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D, Trần Văn H2 thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, tập trung đông người tại khu vực cổng Công ty C3; gây mất trật tự an toàn công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội chung của địa phương, làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh của Công ty C3. Vì vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D, Trần Văn H2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

[4] Bị cáo Phạm Văn Q có hành vi điều khiển xe ô tô là nguồn nguy hiểm cao độ có khả năng gây nguy hại cho nhiều người đâm vào đuôi xe mô tô do bị cáo Nguyễn Văn D điều khiển làm D bị thương tích, tỉ lệ tổn thương cơ thể là 02% sức lao động. Bị cáo Phạm Văn Q thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, hành vi của bị cáo Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về vai trò của các bị cáo đối với tội “Gây rối trật tự công cộng”: Bị cáo Trần Văn H2 tuy là người khởi xướng việc nhờ bị cáo Nguyễn Văn T đến gặp bị cáo Phạm Văn Q để nói chuyện về hợp đồng vận chuyển hàng hóa độc quyền cho Công ty C3 nhưng bị cáo chỉ nhờ một mình T đi nói chuyện; không nhờ T gọi D và các đối tượng khác cùng đi để gây rối trật tự công cộng. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D có vai trò thực hành tích cực, cùng tìm thêm nhiều đối tượng khác đến gặp Q; trực tiếp cử người đe dọa 02 lái xe của Công ty V (do Q làm giám đốc). Nhân thân bị cáo T, D đều có tiền án chưa được xóa, phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm” nên hình phạt đối với T và D là ngang nhau và cao hơn hình phạt của bị cáo H2 là phù hợp.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn Q cố ý gây thương tích cho Nguyễn Văn D độc lập, không có đồng phạm. Bị cáo Q mặc dù chỉ gây thương tích cho

Nguyễn Văn D với tỉ lệ tổn thương sức khỏe thấp (2%) nhưng bị cáo điều khiển xe ô tô là nguồn nguy hiểm cao độ - thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người nên mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo Q trên mức khởi điểm của khung hình phạt như bản án sơ thẩm là phù hợp.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D đều có tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Trần Văn H2, Phạm Văn Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Văn H2, Phạm Văn Q phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ngoài ra, bị cáo Phạm Văn Q còn tự nguyện nộp 10.000.000 đồng vào cơ quan Thi hành án để bồi thường cho Nguyễn Văn D nên các bị cáo H2, Q được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i (Q được thêm điểm b) khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặc dù bị hại Nguyễn Văn D có hành vi lạng lách, đánh võng trước xe ô tô của bị cáo Q nhưng chưa đến mức bị cáo phải bị kích động về tinh thần và bị cáo hoàn toàn có quyền lựa chọn xử sự khác với việc đâm xe vào xe mô tô do Dương Đức A điều khiển, hậu quả gây thương tích cho bị hại D nên không có căn cứ áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Q. Vì vậy, không có căn cứ xử phạt bị cáo Q ở mức khởi điểm của khung hình phạt.

[9] Về hình phạt: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo Trần Văn H2 cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện bị cáo có ông ngoại là Nguyễn Văn C2 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba, ông nội bị cáo là Trần Văn T4 được tặng thưởng Huân chương vì sự nghiệp giáo dục có xác nhận của địa phương. Ngoài ra, bị cáo H2 còn cung cấp Xác nhận của UBND xã Đ - nơi bị cáo cư trú về việc bị cáo có đóng góp 50.000.000 đồng làm từ thiện và 70.000.000 đồng để làm tuyến đường liên thôn ... Bị cáo Phạm Văn Q được bị hại Nguyễn Văn D xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo Q cũng trình bày mâu thuẫn giữa các bị cáo xuất phát từ việc tranh chấp vận chuyển hàng cho Công ty C3, do các bị cáo nóng giận, không kiềm chế được nên đã làm ảnh hưởng trật tự công cộng. Bị cáo H2 trình bày mục đích nhờ bị cáo T đến nói chuyện với bị cáo Q nhưng T lại rủ D và nhiều đối tượng đến để nói chuyện dẫn đến hiểu nhầm giữa hai bên. Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đã hòa giải với

nhau, cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho mình và cho các bị cáo khác. Xét thấy, các bị cáo Q, H2 có xác nhận của chính quyền địa phương về việc có nơi cư trú rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; tội phạm các bị cáo thực hiện là tội ít nghiêm trọng. Vì vậy, việc cho các bị cáo Q, H2 được cải tạo ngoài xã hội cũng không gây nguy hại đến an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 65 Bộ luật Hình sự, sửa Bản án sơ thẩm số 90/2024/HS-ST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, giữ nguyên hình phạt cho các bị cáo Trần Văn H2, Phạm Văn Q được hưởng án treo.

[10] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới là đơn trình bày của gia đình thể hiện các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ già yếu, gia đình đông con; các bị cáo đều là lao động chính; tại phiên tòa các bị cáo đã hòa giải với nhau là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm số 90/2024/HS-ST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, giảm một phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị cáo Phạm Văn Q đã nộp số tiền 10.000.000 đồng vào Chi cục Thi hành án huyện An Dương để bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn D; bị hại D không có ý kiến bồi thường khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D, Trần Văn H2, Phạm Văn Q mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D, Trần Văn H2, Phạm Văn Q không phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[13] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo và sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2024/HS-ST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D, Trần Văn H2 và Phạm Văn Q.

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D, Trần Văn H2 đồng phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”,

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Q phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 56 và khoản 5 Điều 65 (áp dụng đối với bị cáo T) của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn T 12 (mười hai) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng"; tổng hợp với hình phạt 30 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” của Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2021/HS-ST ngày 03/6/2021 Tòa án nhân dân huyện An Dương (do phạm tội trong thời gian thử thách của án treo); buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2023.

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn D 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1; 2 Điều 51 ; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo: Trần Văn H2 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn H2 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s khoản 1; 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo: Phạm Văn Q 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Văn Q phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn D số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng. Ghi nhận việc bị cáo Phạm Văn Q đã nộp đủ số tiền 10.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007132 ngày 23/02/2024 vào Chi cục Thi hành án huyện A, thành phố Hải Phòng để bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn D.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D, Trần Văn H2 và Phạm Văn Q, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D, Trần Văn H2, Phạm Văn Q không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2024/HS-ST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Trại tạm giam CATP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- TAND huyện An Dương;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thu